TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 93/2021/QĐST-HNGĐ	*Mai Sơn, ngày 30 tháng 03 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 23/2020/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Điêu Thị N, sinh năm 1995. Địa chỉ: Bản B, Q, xã Ch, S, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Tạm trú: Thôn Bắc Vang, xã D Quan, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Bị đơn: Anh Đặng Văn D, sinh năm 1991. Địa chỉ: Bản B, Q, xã Ch, S, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82,83 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 03 năm 2021;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 03 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Điêu Thị N và anh Đặng Văn D.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a.Về tình cảm: Chị Điêu Thị N và anh Đặng Văn D nhất trí công nhận thuận tình ly hôn.

b. Về con chung: Chị N và anh D có 01 con chung là cháu Đặng Gia Bảo, sinh ngày 8/02/2013. Anh chị thống nhất thỏa thuận khi ly hôn giao cháu Bảo cho anh D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bảo cho tới khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) và chị N nhận cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D mỗi tháng là 1.000.000đ/ 1 tháng cho tới khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 04/2021 trở đi.

Sau khi ly hôn, chị N được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản chị N thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

c. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị N, anh D xác nhận không có tài sản chung cũng như nợ chung. Nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

d. Về án phí: Chị N tự nguyện nhận nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; trong đó 150.000 đồng là án phí dân sự sơ thẩm, 150.000 đồng là án phí cấp dưỡng nuôi con; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0000200 ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- TAND tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã Chiềng Sung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La ;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Kiều Anh